

VÀI NÉT VỀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT NAM BỘ VÀO NHỮNG THẬP NIÊN GIỮA THẾ KỶ XIX

LÊ TRUNG DŨNG*

Trong những năm gần đây một số tổ chức của người Khmer Nam Bộ lưu vong cũng như một số nhân vật trong chính giới Campuchia đặt lại vấn đề về cái gọi là “chủ quyền của Campuchia trên lãnh thổ Nam Kỳ”. Những ý kiến của họ xoay quanh một số vấn đề sau đây:

- Nam Bộ là lãnh thổ Campuchia bị Việt Nam xâm chiếm.

- Cho tới trước khi Pháp xâm lược Nam Kỳ, phần lớn lãnh thổ Nam Kỳ, đặc biệt là miền Tây Nam Kỳ vẫn thuộc chủ quyền Campuchia.

- Quân đội Pháp đã xâm lược Campuchia Krom để biến thành thuộc địa Nam Kỳ của Pháp.

- Campuchia, vì tình hữu hảo với Pháp, đã nhường quyền quản lý vùng này cho Pháp.

Thật ra, những ý kiến nêu trên không phải là hoàn toàn mới. Ngay từ năm 1856, vua Campuchia Ang Duong, trong một bức thư cầu thân gửi Hoàng đế Pháp Napoléon III, đã nêu một loạt tên những vùng đất ở Nam Bộ mà tựa hồ như Việt Nam đã dùng vũ lực chiếm đoạt của Campuchia. Trong những năm 1948, 1949, 1954 và những năm 60 của thế kỷ XX một số nhà lãnh đạo Campuchia cũng lặp lại những điều này (1).

Tuy nhiên, những ý kiến của Campuchia đã không được các nước hữu quan lúc đó quan tâm đến.

Vậy thì sự thực lịch sử về chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ là thế nào?

Bài viết này, chúng tôi muốn nhắc lại một vài tư liệu và sự kiện lịch sử khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Kỳ vào những thập niên giữa của thế kỷ 19, qua đó góp phần bác bỏ cái gọi là “chủ quyền của Campuchia trên lãnh thổ Nam Kỳ”.

1. Sử cũ của Nhà Nguyễn đã ghi lại một cách rõ ràng về quá trình mở rộng cương vực của nước Việt. Theo đó, do kết quả của những cuộc di dân của những lưu dân người Việt, cũng như do những thỏa thuận, đổi chác của những phe nhóm trong triều đình Udon với chính quyền của các chúa Nguyễn, cho tới nửa đầu thế kỷ 19, về đại thể, toàn bộ vùng đất Nam Kỳ đã thuộc về chính quyền nhà Nguyễn. Điều này, theo chúng tôi, là một sự phản ánh chân thực mối tương quan lực lượng giữa Việt Nam với Campuchia vào thời gian đó và hoàn toàn không phải là một ngoại lệ trong lịch sử. Cũng cần nhấn mạnh một điều là, tuyệt đại đa số những thay đổi, chuyển nhượng lãnh thổ đều được chính bản thân những phe nhóm khác nhau trong triều đình

*TS. Viện Sử học

Campuchia tiến hành với các chúa Nguyễn để đổi lại sự giúp đỡ của các chúa Nguyễn trong cuộc đấu tranh nội bộ giành quyền lực. Sách *Đại Nam Thực lục Chính biên* còn ghi lại lần cam kết diễn ra vào cuối năm 1845 - đầu năm 1846 (2) giữa đại diện triều đình Campuchia Nặc Ong Giun (3) và tướng Xiêm La (Thái Lan) Chắt Tri là một bên, bên kia là Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn, đại diện cho triều đình Huế. Đây là kết quả của cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng đối với Campuchia giữa một bên là Đại Nam và bên kia là triều đình Băng Cốc được phe nhóm của Nặc Ong Giun trong triều đình Campuchia ủng hộ. Sách viết :

“Quân ta vây bức thành Ô Đông, bọn giặc ở trong thành cũng cố giữ, cầm cự rất lâu. Chắt Tri lại sai người hai ba lần đến xin hoãn việc quân. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn cùng bàn tính, cho rằng ..., đánh để lấy thành, không bằng đánh bằng cách thu phục lòng người, mà xong việc quân là để xong việc nước. Chỉ bằng tạm cho xin hòa, để có thể thư sức của quân dân... Sau đó Chắt Tri lại cho người đến xin ước hội. Đến giờ Tỵ ngày hôm ấy, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn chỉnh đốn nghi vệ quân đội ra đi. Khi sắp đến hội quán, (Người Xiêm đã làm nhà lợp tranh trước ở giữa đường), đã thấy Chắt Tri xuống voi, đi chân không, bỏ hết nhạc Man. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn do cửa tả đi vào, làm lễ vái chào. Tri Phương, Doãn Uẩn lên ngôi trên nhà chính. Chắt Tri ngồi ở bên hữu, tướng hiệu lớn nhỏ đều yên lặng nghiêm trang. Khi đã an tọa, Nguyễn Tri Phương trước hết hỏi đến cái cơ từ trước đến giờ sao không có thư đến. Chắt Tri nói: “Vi ngôn ngữ bất đồng, văn tự không giống nhau, sợ người dịch làm sai sự thực, có khi đến hỏng việc, nên chưa dám viết thư”. Nhân đó lấy

ra một tờ thư giấy đen chữ trắng trình lên, đại ý nói: đến đây chỉ vì xin cho gây lại tình hiếu cũ, cho Nặc Ong Giun được làm bề tôi thờ hai nước, nhờ ngài để đạt lên cho. Lại trở vào một người quỳ ở bên, nói: “Đây là Nặc Ong Giun, xin ủy thác cho làm việc ở nước ngài, nhờ ngài thương cho”. Nguyễn Tri Phương đáp rằng: “Đã biết tội lỗi phải dâng thư xin nhận tội, mới có thể để đạt giúp được”. Tên Giun cúi đầu, giơ tay ngang trán, vái tạ...”

Ngày hôm sau, tên Giun cho người mang thư đến của quân xin nhận tội, quan đại thần ở quân thứ nhận cho ...” (4).

Như vậy, 14 năm trước khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công xâm lược Nam Kỳ, một lần nữa, đại diện của triều đình Campuchia cùng đại diện của Băng Cốc đã chính thức tuyên bố công nhận hiện trạng trong quan hệ giữa 3 nước (*“xin cho gây lại tình hiếu cũ, cho Nặc Ong Giun được làm bề tôi thờ hai nước”*). Điều này, theo chúng tôi, cũng hoàn toàn đồng nghĩa với việc hai nước - Campuchia và Xiêm La - chính thức công nhận chủ quyền của Việt Nam đối với Nam Kỳ, vùng đất mà trong hơn 2 thế kỷ qua đã được chính bản thân các thế hệ triều đình Campuchia từng bước chuyển nhượng (một cách hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế lúc đó) cho chính quyền các chúa Nguyễn.

2. Nếu xét từ góc độ thực tế lịch sử, chúng ta cũng có thể hoàn toàn khẳng định rằng vào nửa đầu của thế kỷ 19, triều đình Huế đã thực sự thực thi chủ quyền của mình trên toàn bộ lãnh thổ Nam Kỳ. Minh chứng cho điều này là hàng loạt các biện pháp mà triều đình nhà Nguyễn đã cho áp dụng nhằm khẳng định và củng cố chủ quyền của mình trên lãnh thổ Nam Kỳ. Các biện pháp này bao gồm nhiều mặt, từ việc

ban ấn thông hành cho thuyền buôn nước Chân Lạp ra vào Lục tỉnh (8-1806) tới việc định mức thuế cho các nhà buôn nước ngoài tới buôn bán ở Lục tỉnh Nam Kỳ (8-1825, 11-1834), khuyến khích dân khai khẩn ruộng hoang, lập phố xá (11-1818), đào kênh Vĩnh Tế (9-1819), đo đạc, vẽ bản đồ các tỉnh Nam Kỳ (3-1834)... Trong số các biện pháp này, theo chúng tôi, có ý nghĩa hơn cả trong việc khẳng định và củng cố chủ quyền của Việt Nam trên vùng Nam Kỳ là cuộc cải cách hành chính vào tháng 10-1832 và việc đo đạc ruộng đất, cấp sổ địa bạ trên toàn Nam Kỳ năm 1836. Cuộc cải cách hành chính tháng 10 năm 1832 phân chia lại địa giới hành chính Nam Kỳ, theo đó, toàn bộ Nam Kỳ được chia thành 6 tỉnh gồm: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên; đồng thời đặt quan chức cho mỗi tỉnh gồm: Tổng đốc, Tuần phủ, Bố Chính, Án sát và Lãnh binh. Việc đo đạc lại ruộng đất, tiến hành năm 1836, thống kê lại toàn bộ số ruộng đất ở Nam Kỳ và cấp sổ địa bạ nhằm phục vụ cho việc thống nhất và tăng cường quản lý hoạt động nông nghiệp ở cấp toàn quốc.

Có thể nói, những biện pháp quản lý được triều đình Huế áp dụng ở Nam Kỳ là những sự khẳng định rõ ràng về chủ quyền của Việt Nam mà đại diện lúc đó là triều đình nhà Nguyễn đối với vùng đất Nam Kỳ. Dưới sự quản lý của Việt Nam, người Việt đã trở thành yếu tố chi phối sự phát triển của vùng đất Nam Kỳ. Điều này có thể được thấy rõ phần nào từ một số số liệu sau về dân số người Khmer. Theo điều tra của chính quyền Pháp khi mới tới Nam Kỳ, dân số Khmer có 151.367 người, trong khi đó số người Hoa là 56.000 và người Việt là 1.629.224 (5). Như vậy, vào giữa thế kỷ XIX, cư dân người Việt nhiều gấp hơn 10 lần cư dân Khmer. Đó là chưa kể tới người

Hoa, vốn đã bằng 1/2 cư dân Khmer. Điều này cũng có nghĩa là từ chỗ bị bỏ hoang hoá, nhờ sức lao động của các thành phần dân cư: người Việt, người Khmer, người Hoa..., trong đó thành phần người Việt đóng vai trò quyết định, mảnh đất Nam Kỳ đã trở thành một khu vực giàu có, trù phú, trở thành vựa lúa nuôi sống không chỉ người dân Nam Kỳ, mà còn là nguồn cung cấp lương thực quan trọng cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nam Kỳ thực sự trở thành một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

Ở đây cũng cần lưu ý một điều là, vào năm 1861, tức là khi mới chiếm được hai tỉnh Gia Định và Định Tường, quân đội viễn chinh Pháp đã cử người đi do thám tình hình các tỉnh miền Tây để chuẩn bị cho việc xâm lược toàn xứ Nam Kỳ. Dựa trên các thông tin do thám được, họ đã vẽ ra một đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia theo như họ nhận thức trên thực địa. Đường biên giới này ăn sâu khá nhiều vào lãnh thổ Campuchia so với đường biên giới được hoạch định sau này (6). Nhắc tới đường biên giới này, chúng tôi hoàn toàn không có ý định cho rằng vào năm 1861 lãnh thổ Nam Kỳ được đánh dấu bằng đường biên giới nêu trên, mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng, trong lúc triều đình nhà Nguyễn không ngừng củng cố chính quyền của mình trên lãnh thổ Nam Kỳ, thì trên thực tế, triều đình Campuchia, đã hầu như bỏ rơi công tác quản lý ở nhiều vùng giáp ranh với Việt Nam, và chính điều này đã dẫn tới việc các sỹ quan Pháp cho rằng vùng giáp ranh này thuộc lãnh thổ Việt Nam. Một đất nước ngay cả đến lãnh thổ của mình cũng không có khả năng quản lý thì không thể nói tới chủ quyền trên những vùng đất xa hơn !

3. Tháng 2 năm 1859, sau những thất bại trên mặt trận Đà Nẵng, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha kéo quân vào tấn công Gia Định, mở màn cho việc xâm lược Nam Kỳ. Tại đây, ngay từ những ngày đầu, chúng đã vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quan quân triều đình nhà Nguyễn, cũng như của đông đảo nhân dân Nam Kỳ. Đây là một trong những lý do chủ yếu khiến cho mãi tới 3 năm sau, tháng 3 năm 1862, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha mới chiếm được 3 tỉnh Đông Nam Kỳ gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và tỉnh Vĩnh Long. Do sự nhu nhược, đốn hèn của triều đình nhà Nguyễn, ngày 5-6-1862, đại diện của triều đình Huế là Phan Thanh Giản cùng đại diện Pháp là Bonard và đại diện Tây Ban Nha là Carlos Palanca - Gutierrez đã ký Hiệp ước Nhâm Tuất nhượng dứt 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và đảo Côn Lôn cho Pháp (Điều 3). Tuy nhiên, với những mưu đồ thực dân, đội quân viễn chinh Pháp không dừng lại ở đó, tháng 6-1867, quân đội Pháp bao vây thành Vĩnh Long và buộc quan quân triều đình nhà Nguyễn đóng tại đây phải đầu hàng. Sau đó chúng lần lượt chiếm các tỉnh An Giang (21-6), Hà Tiên (24-6). Toàn bộ Lục tỉnh Nam Kỳ rơi vào tay Pháp. Tuy nhiên, cũng phải tới 7 năm sau, năm 1874, bằng Hiệp ước Giáp Tuất, Triều đình nhà Nguyễn mới chính thức công nhận chủ quyền của Pháp trên toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ.

Nhìn lại toàn bộ cuộc chiến tranh xâm lược vùng đất Nam Kỳ của Pháp, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, bằng nhiều thủ đoạn, khi thì dùng vũ lực đánh chiếm, lúc thì ngưng chiến, thương thuyết, giảng hòa, thực dân Pháp đã lần lượt chiếm đoạt các tỉnh Nam Kỳ từ chính tay của người Việt Nam do triều đình phong kiến nhà Nguyễn làm đại diện, mà không phải từ tay ai khác.

Điều này đã được chính Bộ Ngoại giao Pháp xác nhận trong một bức thư gửi người đứng đầu nhà nước Campuchia năm 1949. Bức thư có đoạn viết *"Chính từ triều đình Huế mà Pháp đã nhận được toàn bộ miền Nam Việt Nam. Những hoạt động quân sự được phê duyệt để tiến hành chống lại các quan lại An Nam chứ không phải chống lại các nhà chức trách Khmer"* (7). Chi tiết về các cuộc Pháp tấn công đánh chiếm các tỉnh thành Nam Kỳ, cùng những tên tuổi và khí phách của những tướng sĩ, thủ lĩnh, nghĩa quân Việt Nam trong cuộc chiến chống xâm lược, đã được nhắc tới nhiều trong các tài liệu Việt, Pháp đương thời cũng như trong vô vàn công trình nghiên cứu cho tới nay của các học giả ở cả hai nước.

Điều đáng lưu ý ở đây là, mặc dù đã chiếm được đất đai trên thực tế nhưng thực dân Pháp vẫn chủ động thương thuyết với triều đình Huế nhằm buộc triều đình Huế chính thức chuyển giao Nam Kỳ cho Pháp. Điều này, theo chúng tôi, là sự thừa nhận, từ phía Pháp, chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với Nam Kỳ. Cũng xin nhắc lại rằng, 2 năm trước khi bắt đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam, Pháp đã biết tới cái gọi là "chủ quyền của Campuchia" đối với Nam Kỳ thông qua lá thư cầu thân đã nói trên của vua Campuchia An Duong. Việc Pháp công nhận chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với Nam Kỳ hoàn toàn đồng nghĩa với việc họ phủ nhận luận thuyết nêu trong thư của vua An Duong. Kết quả là đại diện của triều đình Huế và đại diện của Pháp đã cùng nhau ký kết hai hiệp ước liên quan tới vấn đề chủ quyền đối với Nam Kỳ:

- Hiệp định hòa bình và hữu nghị, thường được gọi là Hòa ước Nhâm Tuất do Phan Thanh Giản, đại diện của triều đình Huế ký với Bonard, đại diện của Pháp và Carlos Palanca-Gutierrez, đại diện của Tây

Ban Nha ngày 5-6-1862 tại Sài Gòn. Hiệp định này gồm 12 điều khoản. Ngoài một số vấn đề liên quan tới việc tự do truyền đạo, mở cửa một số cảng và tiền đền bù chiến phí, Hiệp ước Nhâm Tuất chính thức quy định Việt Nam nhượng đứt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cùng Côn Đảo cho Pháp. Điều 3 của Hiệp ước viết:

"Bằng Hiệp định này, toàn bộ 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, cũng như đảo Côn Lôn được đặt hoàn toàn dưới quyền tôn chủ của Đức Ông Hoàng đế Pháp. ..." (8).

- Hiệp định Liên minh và Hòa bình, thường gọi là Hòa ước Giáp Tuất do Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường, đại diện cho triều đình Huế ký với đại diện của Pháp Chuẩn Đô Đốc Dupré tại Sài Gòn ngày 15-3-1874. Hòa ước Giáp Tuất gồm 22 điều khoản với hai nội dung chính là quy định sự lệ thuộc của triều đình nhà Nguyễn vào Pháp trong lĩnh vực đối ngoại và việc chuyển giao cho Pháp toàn bộ Nam Kỳ. Về vấn đề Nam Kỳ, Điều 5 của Hòa ước viết:

"Đức ông Vua An Nam công nhận quyền tôn chủ đầy đủ và toàn bộ của nước Pháp trên toàn bộ lãnh thổ hiện đang do Pháp chiếm đóng và nằm trong các đường biên giới sau :

Về phía Đông, là biển Trung Hoa và Vương quốc An Nam (tỉnh Bình Thuận);

Về phía Tây, là Vịnh Xiêm;

Về phía Nam, là biển Trung Hoa;

Về phía Bắc, là Vương quốc Campuchia và Vương quốc An Nam (tỉnh Bình Thuận)" (9).

Như vậy, rõ ràng là chính là triều đình Huế, chứ không phải triều đình Udon, do bất lực trước sức ép của súng đạn, đã phải chuyển giao chủ quyền của mình đối với

Nam Kỳ cho Pháp. Ta không thấy có bất cứ một sự phản đối nào từ phía triều đình Campuchia, đang được Pháp bảo hộ và vẫn hoàn toàn có quyền phản đối nếu Hiệp định nêu trên làm tổn hại tới lợi ích quốc gia của họ. Điều này đồng nghĩa với việc Campuchia công nhận Nam Kỳ thuộc chủ quyền của Việt Nam. Vả lại, người ta không thể chuyển giao cho ai bất cứ cái gì mà mình không có!

Ở đây xin được lưu ý một điều, dường như giữa các thế hệ của những người đứng đầu triều đình Udon không có được một sự thống nhất thực sự trong cách nhìn nhận Nam Kỳ. Chúng ta đã biết tới quan điểm của Vua An Duong trong bức thư gửi Napoléon năm 1856. Tuy nhiên, người kế vị ông, vua Norodom I không phải lúc nào cũng hành động thống nhất với quan điểm của người tiền nhiệm. Như đã biết, sau khi chiếm xong 3 tỉnh Đông Nam Kỳ của Việt Nam, ngày 11-8-1863, bằng việc ký với triều đình Campuchia Hiệp định Hữu nghị và thương mại, thực dân Pháp đã áp đặt chế độ bảo hộ lên đất nước Campuchia. Tuy nhiên, chỉ chưa đầy 4 tháng sau, ngày 1-12-1863, do sự lôi kéo của Xiêm, Campuchia đã bí mật ký với Xiêm một hiệp ước biến mình thành một quốc gia chư hầu của Xiêm (Điều 1). Ở phần mở đầu của Hiệp ước này có đoạn viết *"Campuchia nằm giữa lãnh thổ Xiêm, Nam Kỳ và các vùng đất thuộc Pháp, do đó việc ký một hiệp ước..."* (10). Như vậy, bằng một văn bản có giá trị pháp lý quốc tế, Campuchia đã gián tiếp công nhận sự tồn tại của 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ và vùng đất thuộc Pháp (hiểu là vùng Nam Kỳ do Pháp chiếm), độc lập với Campuchia.

4. Dựa trên những tài liệu lưu trữ đặc biệt có giá trị, học giả Pháp Pierre-Lucien Lamant cho biết, ngay sau khi cướp được ba

tỉnh miền Đông Nam Kỳ từ tay triều đình nhà Nguyễn, chính quyền Pháp đã quan tâm tới việc xác định rõ ràng đường biên giới Nam Kỳ - Campuchia. Đầu năm 1863, quyền chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ, đô đốc de la Grandière đã gửi viên trung uý hải quân Doudart de Lagrée cùng một chiếc ca nô đi tìm hiểu thực địa (11). Sau khi thiết lập chế độ bảo hộ ở Campuchia (tháng 8-1863), việc nghiên cứu vấn đề hoạch định biên giới này được trao cho thanh tra Philastre. Doudart de Lagrée, lúc này đã trở thành đại diện của chính quyền bảo hộ cạnh vua Campuchia, vẫn tiếp tục theo dõi công việc này để đảm bảo quyền lợi cho cả Campuchia (12). Sau khi chiếm được toàn bộ Lục tỉnh Nam Kỳ (1867), công việc hoạch định biên giới được tiến hành một cách gấp rút hơn. Năm 1868, với tư cách là người bảo hộ Campuchia, Pháp cùng Xiêm (Thái Lan) bắt đầu hoạch định một phần đường biên giới Campuchia - Xiêm. Giữa năm 1869, Thống đốc Nam Kỳ lệnh cho các viên thanh tra ở Tân An, Trảng Bàng và Tây Ninh chuẩn bị dự án phân định đường biên giới với Campuchia trên địa phận mình phụ trách. Dự án đường biên giới ở các quận này được hoàn thành vào tháng 9 cùng năm. Như vậy, có thể nói, công việc hoạch định đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia được khởi động từ giữa năm 1869 (13). Dự án này hẳn là đã được chuyển tới vua Campuchia Norodom I, bởi chính vị vua này đã cử người của mình trực tiếp tham gia vào nhóm phân giới ở các địa phương nêu trên vào đầu năm 1870 (14). Kết quả của những hoạt động này đã đưa đến việc Quyền Thống đốc Nam Kỳ Vial-Reinard ký *Quyết định về hoạch định biên giới Campuchia* ngày 9-7-1870 với chữ ký chấp nhận của Quốc vương Campuchia Norodom và Chuẩn

đô đốc - Thống đốc Nam Kỳ De Cornulier-Lucinière (15). Tuy nhiên, Quyết định ngày 9-7-1870 mới chỉ chấp nhận một phần dự án của ba viên thanh tra Pháp ở các quận Tân An, Trảng Bàng và Tây Ninh (16). Điều này cho thấy đã có sự phản ứng của vua Campuchia về đoạn biên giới này khiến chính quyền Pháp phải nhượng bộ, chứ không phải chỉ là quyết định đơn phương của chính quyền Pháp, như tác giả người Campuchia Sarin Chhak khẳng định trong luận án tiến sỹ luật học "*Các đường biên giới của Campuchia*" của mình. Ba năm tiếp theo (1870-1873) là giai đoạn khảo sát, thương thuyết không ít khó khăn giữa chính quyền Pháp với triều đình Campuchia để đi tới thống nhất hoạch định toàn bộ đường biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia (17). Ngày 15-7-1873, bản *Thỏa thuận xác định dứt khoát đường biên giới giữa Vương quốc Campuchia và Nam Kỳ thuộc Pháp* (18) được ký kết giữa Quốc vương Campuchia và Chuẩn đô đốc, Thống đốc-Tư lệnh Nam Kỳ Dupré. Theo Thỏa thuận này, toàn bộ đường biên giới trên bộ giữa Nam Kỳ và Campuchia (từ Tây Ninh tới Hà Tiên) đã được hai bên thống nhất hoạch định bằng 124 cột mốc. Đường đi của tuyến biên giới cũng được chỉ ra rõ ràng trong Thỏa thuận (19).

Hai văn kiện nêu trên, với chữ ký chấp thuận của cả chính quyền Pháp ở Nam Kỳ lẫn Quốc vương Campuchia, là những bằng chứng xác thực nhất chứng minh rằng chủ quyền đối với lãnh thổ Nam Kỳ hoàn toàn không thuộc về triều đình phong kiến Campuchia. Và cho dù nếu như trong lịch sử, vấn đề về chủ quyền đối với vùng đất này có tranh cãi, thì từ đây, với sự chấp thuận của đại diện hợp pháp của hai bên, đường biên giới - mốc đánh dấu sự phân chia chủ quyền - một lần nữa đã được xác

định! Hai văn kiện này trở thành khung pháp lý chủ yếu cho việc đưa các cột mốc biên giới lên thực địa. Sau này, đường biên giới có một số lần phải chỉnh sửa, nhưng nhìn chung, vẫn tuân thủ theo tinh thần của hai văn kiện này.

5. Người dân Việt Nam từ ngàn xưa vốn có truyền thống gắn bó với quê hương đất nước và tinh thần đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm. Chính bởi vậy, ngay từ những ngày đầu khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, người dân Nam Kỳ đã anh dũng đứng lên cùng quan quân triều đình đánh đuổi quân xâm lược. Phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ được thổi bùng lên trên toàn cõi và trở thành một cuộc chiến tranh nhân dân thực sự sau khi triều đình tỏ ra bất lực buộc phải cắt đất cầu hòa bằng hòa ước Nhâm Tuất. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Kỳ chống Pháp xâm lược được thể hiện dưới nhiều hình thức, từ phong trào “tị địa” (bất hợp tác với Pháp, rời bỏ những vùng bị chúng chiếm đóng), tới những sáng tác ca ngợi, tôn vinh những gương hy sinh chống Pháp. Hình thức đấu tranh cao nhất là các cuộc khởi nghĩa vũ trang. Trong những thập niên nửa cuối thế kỷ 19, sử sách đã ghi nhận hàng chục cuộc khởi nghĩa chống xâm lược Pháp của người dân Nam Kỳ. Tiêu biểu nhất trong số này phải kể đến: cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Duy Dương (Thiên Hộ Dương), Thủ khoa Huân, Trương Quyền, Đỗ Trình Thoại, Đỗ Quang, Nguyễn Thông, Phan Văn Đạt, Hồ Huân Nghiệp, Phan Tam, Phan Ngũ, Nguyễn Xuân Phụng, Đoàn Công Bửu, Quản Hồn ...

Một trong những điểm đáng lưu ý của phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ nửa cuối thế kỷ 19 là đã có sự hợp tác giữa người Việt và người Khmer Nam Kỳ trong cuộc

đấu tranh chống xâm lược Pháp. Ở đồng bằng sông Cửu Long, dọc biên giới Việt Nam - Campuchia vào năm 1864 chúng ta thấy có liên minh chống Pháp giữa Nguyễn Hữu Huân với một người Khmer có tên Thạch Bươm. Năm 1867, sau khi thực dân Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, tại vùng Ba Động, Cần Cù (Trà Vinh ngày nay) có cuộc nổi dậy chống Pháp của lực lượng nghĩa quân Việt - Khmer do một người Khmer có tên Lý Rọt và một người Việt tên Đề Triệu chỉ huy, từng khiến bọn xâm lược ăn không ngon ngủ không yên (20).

Như vậy, có thể nói, đứng trước mối họa chung mất nước, nếu như không phải là tất cả thì cũng là một bộ phận đáng kể người dân Khmer Nam Bộ, do ý thức được vị trí của mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, đã đứng lên kề vai sát cánh với những người dân Việt chiến đấu chống kẻ thù chung.

Tinh thần đấu tranh hy sinh quên mình vì mảnh đất quê hương của tất cả những người dân các sắc tộc ở Nam Kỳ cũng là một trong những bằng chứng, chứng tỏ chính họ chứ không ai khác mới là những người chủ thực sự của Nam Kỳ.

Điều cần nhấn mạnh ở đây là, trong lúc những người dân Khmer Nam Bộ trước họa xâm lăng đã xếp lại những hiềm khích, mâu thuẫn để cùng chung vai sát cánh với người Việt trong cuộc đấu tranh giữ nước, thì triều đình phong kiến Campuchia, những kẻ vẫn nuôi tham vọng giành lại Nam Kỳ bất chấp hiện thực lịch sử và những điều cam kết của cha ông họ, lại từng bước lộ rõ bộ mặt phản trắc bằng cách cầu Pháp giúp đỡ, tiến tới hợp tác với quân đội Pháp trong việc xâm lược Nam Kỳ.

Chúng ta đã biết tới bức thư cầu thân của vua Ang Duong năm 1856. Tuy nhiên,

không chỉ dừng ở chỗ cầu thân mong được sự giúp đỡ của Pháp, triều đình phong kiến Campuchia còn đưa quân trực tiếp tham gia vào cuộc chiến xâm lược Nam Kỳ của Pháp. Năm 1949, công chúa Yukanthor, đại diện của Campuchia tại Đại hội đồng Liên hiệp Pháp, trong một bài phát biểu về quan điểm của Campuchia quanh vấn đề Nam Kỳ, đã nói: *"Năm 1861, những người Campuchia ở biên giới phía Bắc đã giúp đỡ người Pháp để họ chiếm đóng Tây Ninh ..."* (21). Còn trong *"Giác thư của Campuchia về lãnh thổ của Campuchia ở Nam Việt Nam"* được phái đoàn Campuchia công bố tại Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954 đã công nhận *"Trong cuộc tấn công vào Sài Gòn năm 1859, quân đội Campuchia đã ủng hộ quân đội Pháp bằng cách đồng thời tiến vào các tỉnh Meut Chruk (Châu Đốc), Kramuon Sar (Rạch Giá), Srok de Treang (Sóc Trăng), Preah Trampeang (Trà Vinh)..."* (22). Chúng ta có thể tìm thấy những dấu hiệu khác về sự hợp tác Pháp - Campuchia trong việc xâm lược Nam Kỳ:

- Ngày 24-3-1861, tức là ngay trong tiến trình Pháp tấn công xâm lược 3 tỉnh Đông Nam Kỳ, phó Thủy sư Đô đốc Charner đã phái Đại úy Hải quân Lespes sang gặp vua Campuchia Norodom I để thông báo quyết tâm chiếm đóng Nam Kỳ của Pháp và thương lượng đặt quan hệ ngoại giao.

- Ngày 12-4-1861, tức là chỉ ba ngày sau khi quân Pháp chiếm được tỉnh thành Định Tường, sứ thần của Norodom I đã đến Nam Kỳ bàn việc cấu kết với thực dân Pháp nhằm chống đánh Việt Nam.

- Tháng 9-1862, Phó đô đốc Bonard, viên võ quan cai trị trực tiếp đầu tiên của Pháp

ở Nam Kỳ tới Udon gặp Norodom I để bàn việc liên minh chống đánh Việt Nam (23).

Thái độ cầu lợi, phản trắc này không thể là thái độ của người nắm giữ chủ quyền của vùng đất Nam Kỳ đang bị đe dọa.

*

Từ những điều vừa trình bày, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Từ nửa đầu của thế kỷ 19, toàn bộ vùng đất Nam Kỳ trên thực tế đã nằm dưới quyền quản lý của Việt Nam. Đây là kết quả của mối tương quan lực lượng trong khu vực trong vòng 2 thế kỷ trước đó và là di sản của lịch sử.

- Nhờ sức lao động cần cù, bền bỉ của những người lao động Việt Nam trong sự hợp tác chặt chẽ với những dân tộc ít người khác, Nam Kỳ đã trở thành một vùng đất giàu có, trù phú và là một bộ phận không thể tách rời của đất nước Việt Nam.

- Thực dân Pháp, với những sách lược khác nhau đã chiếm đoạt Nam Kỳ từ chính tay của triều đình Huế, người đại diện hợp pháp của đất nước và dân tộc Việt Nam lúc đó.

- Ngay sau khi chiếm Nam Kỳ, chính quyền Pháp, với sự thỏa thuận hợp pháp cùng triều đình phong kiến Campuchia đã từng bước xác định dứt điểm đường biên giới trên bộ với Campuchia.

- Trong cuộc chiến chống xâm lược Pháp, người dân Việt Nam cùng với những dân tộc anh em khác ở Nam Kỳ đã đổ bao xương máu để bảo vệ quê hương, đất nước. Và vì vậy, chính họ mới là người chủ thực sự của Nam Kỳ với tư cách là một bộ phận của đất nước Việt Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Biên bản lưu ý kèm theo Hiệp ước giữa Pháp và Campuchia ngày 8-11-1949, Giác thư của Tép Phan, đại biểu Campuchia tại Hội nghị Giơnevơ, Phát biểu của Xiha-nút năm 1963.

(2). Đại Nam thực lục ghi là tháng 12 âm lịch năm 1845.

(3). Một số tài liệu của Việt Nam dịch là Nặc Ông Đôn. Trên thực tế đây cũng chính là vua Ang Duong.

(4). Đại Nam thực lục chính biên, T. 6, tr. 785-786

(5). Số liệu lấy từ Đinh Văn Liên. Đặc điểm môi sinh và dân số ở vùng người Khmer đồng bằng sông Cửu Long, trong "Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long" Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 75-107.

(6). Bản đồ này đã được chúng tôi công bố cùng bài viết "Quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ Việt Nam và Campuchia từ giữa thế kỷ XIX đến nay" trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 10 & 11 năm 2006.

(7). Trích lại từ Raoul Marc Jennar. Các đường biên giới của nước Campuchia cận đại. T. 1. Ban Biên giới Chính Phủ, tr. 84.

(8). Trích dịch từ *Traité de paix et d'amitié conclu à Saigon, le 5 Juin 1862, entre la France et Espagne, d'une part, et le Royaume d'Annam, d'autre part*. Dans Nouveau Recueil général de Traités et autres actes relatifs aux rapports de droit international, 2ème série, Gottinge, Librairie de Dieterich, 1887, T. XI pp. 414-417.

(9). Trích dịch từ *Traité d'alliance et de paix signé à Saigon, le 15 Mars 1874* trong Nouveau Recueil général de Traités et autres actes relatifs aux rapports de droit international, 2ème série, Gottinge, Librairie de Dieterich, 1878, T. II pp. 206-211.

(10). Xem Raoul Marc Jennar, sđd. T.2 (Phụ lục), tr. 366.

(11). Viên trung úy này dường như đã sang cả Oudon để gặp vua Nôrôđôm I. Xem Dương Kinh Quốc. "Việt Nam Những sự kiện lịch sử", Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 35, ngày 18-4-1863.

(12). Theo Pierre-Lucien Lamant - *La frontière entre le Cambodge et le Vietnam du milieu du XIX siècle à nos jours*, trong *Les frontières du Vietnam -*

Histoire des frontières de la péninsule indochinoise, Paris, L'Harmatan, 1989, pp.160-161.

(13). Trong bài viết "Quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ Việt Nam và Campuchia từ giữa thế kỷ XIX đến nay" trên Tạp chí NCLS, số 10 và 11 năm 2006, chúng tôi cho rằng việc hoạch định biên giới được bắt đầu từ đầu năm 1870. Gần đây, do tìm được những nghiên cứu của Lamant và một số tài liệu khác, xin phép được đính chính lại những thiếu sót nói trên.

(14). Theo Pierre-Lucien Lamant - sđd, tr. 166 và Sarin Chhak - *Các đường biên giới của Campuchia*, p., 1966; bản dịch của Ban biên giới Bộ Ngoại giao, tr. 65.

(15). Cần lưu ý rằng vào thời gian này, chính quyền bảo hộ của Pháp ở Campuchia nằm "dưới quyền lực tối cao của Thống đốc Nam Kỳ" [Điều 2 Hiệp ước bảo hộ Pháp - Campuchia ngày 11-8-1863]. Điều này giải thích lý do quyền Thống đốc Nam Kỳ ký quyết định, còn Thống đốc và vua Campuchia ký chấp nhận.

(16). Xem toàn văn Quyết định trong Raoul Marc Jennard. *Các đường biên giới của nước Campuchia hiện đại*, T. II (Phụ lục), tr. 414-415 [bản dịch của Ban Biên giới Chính phủ, in năm 2001], Lưu ý: chúng tôi sử dụng thật ngữ.

(17). Xem Pierre-Lucien Lamant - sđd, tr. 166-169.

(18). Bản dịch của Ban biên giới gọi là *Thỏa thuận*. Các tác giả khác gọi là *Công ước*, *Convention*.

(19). Xem toàn văn trong Raoul Marc Jennard - sđd, T. II (Phụ lục), tr. 416-417.

(20). Xem Phan Thị Yến Tuyết. "Truyền thống đấu tranh cách mạng của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long", trong "Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 244.

(21). Trích Phát biểu của công chúa Yukantor tại phiên họp 19-5-1949 của Đại hội đồng liên hiệp Pháp, tài liệu Bộ Ngoại giao cung cấp.

(22). Trích "Giác thư của Campuchia về lãnh thổ của Campuchia ở Vietnam". Tài liệu của Bộ Ngoại Giao.

(23). Xem Dương Kinh Quốc - sđd.